



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHÓA III - KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 và Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 131 tỷ 816 triệu đồng, trong đó:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí tỉnh giao là: 121 tỷ 816 triệu đồng.
- Vốn kết dư ngân sách huyện là: 10 tỷ đồng.

(Phụ lục I và Biểu mẫu số 36, 46 kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khóa III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT.HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Khiêm

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 - VỐN HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Đơn vị tính: Ngân đồng.

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ (A+B): 66 công trình							111,014,516	111,014,516	373,622,000	67,052,000	131,816,000			
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ: 62 công trình							96,511,014	96,511,014	342,512,000	65,902,000	121,816,000			
I	Năm 2022 chuyển tiếp sang (a+b): 17 công trình							96,511,014	96,511,014	106,726,000	64,702,000	34,216,000			
a	Ban Quản lý dự án (14 công trình)							79,229,225	79,229,225	94,986,000	54,930,000	32,276,000			
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng	7876747	340-341	2021-2022	Số 2561 ngày 24/6/2021	10,550,000	10,550,000	10,086,000	9,550,000	500,000			
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bàng	7876748	340-341	2021-2022	Số 3081 ngày 02/8/2021	5,090,000	5,090,000	5,000,000	4,000,000	1,000,000			
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trù Văn Thố	TVT	KB.B.Bàng	7876752	340-341	2021-2022	Số 2783 ngày 07/7/2021	4,908,000	4,908,000	4,800,000	3,500,000	1,300,000			
4	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	KB.B.Bàng	7876749	340-341	2021-2022	Số 3080 ngày 02/8/2021	5,069,000	5,069,000	5,000,000	2,360,000	2,400,000			
5	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	KB.B.Bàng	7876750	340-341	2021-2022	Số 3079 ngày 02/8/2021	5,085,000	5,085,000	5,000,000	3,381,000	1,600,000			
6	Xây dựng công viên Bằng Lăng thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bàng	7898708	340-341	2022-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2,581,674	2,581,674	2,500,000	1,550,000	500,000			
7	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Đôi xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bàng	7915529	340-341	2022-2023	Số 585 ngày 17/3/2022	4,991,260	4,991,260	4,600,000	2,550,000	2,050,000			
8	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng	7915530	340-341	2022-2023	Số 4851 ngày 30/12/2021	4,471,502	4,471,502	4,400,000	3,478,000	900,000			
9	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	KB.B.Bàng	7915526	280-292	2022-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	8,954,307	8,954,307	6,600,000	4,650,000	1,950,000			
10	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	KB.B.Bàng	7915528	010-011	2022-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9,756,795	9,756,795	8,100,000	5,050,000	3,000,000			
11	Nhà ở tập thể đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	KB.B.Bàng	7915527	040-041	2022-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12,796,923	12,796,923	11,500,000	8,211,000	3,280,000			
12	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bàng		340-341	2022-2023	Số 2540 ngày 03/8/2022	4,974,764	4,974,764	4,900,000	2,350,000	2,500,000			
13	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyên.	LN	KB.B.Bàng		280-292	2022-2023		0		7,500,000	4,300,000	2,100,000			
14	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng		280-292	2022-2023		0		15,000,000	0	9,196,000			
b	Phòng Quản lý Đô Thị (03 công trình)							17,281,789	17,281,789	11,740,000	9,772,000	1,940,000	0	0	
1	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Can gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trường	CT	KB.B.Bàng	7915525	280-292	2022-2023	Số 1589 ngày 01/6/2022	10,269,615	10,269,615	5,540,000	4,050,000	1,490,000			
2	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trù Văn Thố	TVT	KB.B.Bàng	7915521	280-292	2022-2023	Số 1595 ngày 01/6/2022	4,488,999	4,488,999	4,300,000	4,072,000	200,000			
3	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	KB.B.Bàng	7915523	280-292	2022-2023	Số 1588 ngày 01/6/2022	2,523,175	2,523,175	1,900,000	1,650,000	250,000			
II	Khởi công mới (a+b): 28 công trình							0	0	178,909,000	1,200,000	82,350,000	0	0	
a	Ban Quản lý dự án (11 công trình)							0	0	80,300,000	450,000	40,550,000	0	0	

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	50,000	3,500,000			
2	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chải xã Cây Trường II	CT	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	50,000	3,500,000			
3	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Từ xã Cây Trường II	CT	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	50,000	3,500,000			
4	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,100,000	50,000	3,500,000			
5	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,100,000	50,000	3,500,000			
6	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Trảng Lớn, Sa Thém, Bến Sắn xã Long Nguyên.	LN	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				10,000,000	50,000	5,000,000			
7	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	50,000	2,500,000			
8	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	50,000	2,500,000			
9	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				30,000,000	50,000	10,000,000			
10	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện	LU	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000	0	3,000,000			
11	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	KB.B.Bảng		160-161	2022-2023				100,000	0	50,000			02 nguồn vốn
b	Phòng Quản lý Đô Thị (16 công trình)							0	0	98,609,000	750,000	38,800,000			
1	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				8,300,000	50,000	2,500,000			
2	Nâng cấp BTNN đường từ Đất ông Phô - Giáp ngã 3 ông Ủi Lý xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,200,000	50,000	2,000,000			
3	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				8,900,000	50,000	3,800,000			
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên (gồm 02 nhánh)	LN	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				7,800,000	50,000	3,000,000			
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,500,000	50,000	2,500,000			
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Từ- Cây Trường	CT	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				13,000,000	50,000	4,000,000			
7	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sứ (TT Lai Uyên 73)	LU	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,200,000	50,000	2,500,000			
8	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (IT Lai Uyên - 60)	LU	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				7,300,000	50,000	2,000,000			
9	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mạo đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				2,900,000	50,000	1,500,000			
10	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				2,900,000	50,000	1,500,000			
11	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				2,300,000	50,000	1,500,000			
12	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Sở, Thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				4,500,000	100,000	2,500,000			
13	Nâng cấp Lắp đặt HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				3,300,000	50,000	2,000,000			
14	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,100,000	50,000	2,000,000			

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	Gia cố chống sạt lở suối Đồn Cảnh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-283	2022-2023				11,409,000		4,000,000			02 nguồn vốn
16	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				5,000,000		1,500,000			
c	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện (01 công trình)									5,000,000		3,000,000			
1	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lộ nông trường cao su do công ty cao su giao lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,000,000		3,000,000			
III	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c): 17 công trình									56,877,000	0	5,250,000			
a	Ban Quản lý dự án (08 công trình)									23,200,000	0	400,000			
1	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối tre xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				3,000,000		50,000			
2	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	TH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000			
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000			
4	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000			
5	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực ấp Bến Tượng, ấp Cầu Đôi và ấp Lai Khê xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				2,000,000		50,000			
6	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	TH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				100,000		50,000			02 nguồn vốn
7	Xây dựng mới hội trường xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				3,000,000		50,000			
8	Nâng cấp BTNN đường DH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				100,000		50,000			02 nguồn vốn
b	Phòng Quản lý đô thị (08 công trình)									33,677,000	0	4,350,000	0	0	
1	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				3,300,000		50,000			
2	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,000,000		50,000			
3	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gò Bình Định ấp 3 xã Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				3,500,000		50,000			
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuộc xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,500,000		50,000			
5	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,877,000		50,000			
6	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				1,500,000		50,000			
7	Cải tạo Khu di tích Ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	KB.B.Bảng		160-161	2023-2024				3,000,000		50,000			
8	Quy hoạch 234,2 ha SanMiguel PureFoods	LH	KB.B.Bảng		280-332	2022-2023				9,000,000		4,000,000			
c	Công an huyện (01 công trình)									5,000,000		500,000			

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bầu Bàng	BB	KB.B.Bàng		010-011	2023-2025				5,000,000		500,000			
B	VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN: 04 công trình							14,503,502	14,503,502	31,110,000	1,150,000	10,000,000	0	0	
	Thanh toán khối lượng - chuyển tiếp (04 công trình)							14,503,502	14,503,502	31,110,000	1,150,000	10,000,000	0	0	
1	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Bầu Bàng	LU	KB.B.Bàng		340-341	2022-2024				14,360,000		3,800,000			
2	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	KB.B.Bàng		400-428	2023-2025				10,450,000		3,000,000			
3	Tượng Đài huyện Bầu Bàng	LU	KB.B.Bàng		400-428	2023-2025				2,150,000		200,000			
4	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bầu Bàng	LU	KB.B.Bàng	7973238	340-341	2022-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14,503,502	14,503,502	4,150,000	1,150,000	3,000,000			

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Biểu mẫu số 46

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch đầu tư công năm 2023				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	NS trung ương		Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước		NS trung ương	Ngân sách huyện	Tổng số		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ (A+B)					111,014,516	0	0	111,014,516	79,554,507	0	0	79,554,507	49,541,000	0	0	49,541,000	127,816,000	0	0	131,816,000
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ					96,511,014	0	0	96,511,014	78,404,507	0	0	78,404,507	48,341,000	0	0	48,341,000	117,816,000	0	0	121,816,000
A.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp					26,236,096	0	0	26,236,096	22,731,789	0	0	22,731,789	15,222,000	0	0	15,222,000	60,936,000	0	0	64,936,000
	Ban Quản lý dự án					8,954,307	0	0	8,954,307	4,700,000	0	0	4,700,000	4,700,000	0	0	4,700,000	18,396,000	0	0	18,396,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	0	0	150,000
1	Đầu tư nâng cấp lưới điện tại một số khu vực ấp Bến Tượng, ấp Cầu Đồi và ấp Lai Khê xã Lai Hưng	LN	Nhóm C															50,000			50,000
2	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C															50,000			50,000
3	Nâng cấp BTNN đường ĐH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường ĐT741C)	LU	Nhóm C															50,000			50,000
II	Thực hiện dự án					8,954,307	0	0	8,954,307	4,700,000	0	0	4,700,000	4,700,000	0	0	4,700,000	18,246,000	0	0	18,246,000
	Dự án chuyển tiếp					8,954,307	0	0	8,954,307	4,650,000	0	0	4,650,000	4,650,000	0	0	4,650,000	13,246,000	0	0	13,246,000
1	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	8,954,307			8,954,307	4,650,000			4,650,000	4,650,000			4,650,000	1,950,000			1,950,000
2	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749a xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023		0				0				0				2,100,000			2,100,000
3	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LU	Nhóm C	2022-2023		0				0				0				9,196,000			9,196,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	50,000	0	0	50,000	50,000	0	0	50,000	5,000,000	0	0	5,000,000
1	Nâng cấp lưới điện trung hạ áp khu vực ấp Trảng Lớn, Sa Thém, Bến Sắn xã Long Nguyên.	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	5,000,000			5,000,000
	Phòng Quản lý đô thị					17,281,789	0	0	17,281,789	18,031,789	0	0	18,031,789	10,522,000	0	0	10,522,000	39,540,000	0	0	43,540,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300,000	0	0	4,300,000
1	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	LH	Nhóm C															50,000			50,000
2	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 trấn Lai Uyên	LH	Nhóm C															50,000			50,000
3	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến gỗ Bình Định ấp 3 xã Trù Văn Thố	LN	Nhóm C															50,000			50,000
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bung Thuộc xã Long Nguyên	LN	Nhóm C															50,000			50,000
5	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	HH	Nhóm C															50,000			50,000
6	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	CT	Nhóm C															50,000			50,000
7	Quy hoạch 234,2 ha SanMiguel PureFoods	LH	Nhóm C															4,000,000			4,000,000
II	Thực hiện dự án					17,281,789	0	0	17,281,789	18,031,789	0	0	18,031,789	10,522,000	0	0	10,522,000	39,240,000	0	0	39,240,000
	Dự án chuyển tiếp					17,281,789	0	0	17,281,789	17,281,789	0	0	17,281,789	9,772,000	0	0	9,772,000	1,940,000	0	0	1,940,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
1	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Cạn gồm tuyến Ông Cường - Ông An (số 35); tuyến Ông Hùng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thịnh - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trường	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1589 ngày 01/6/2022	10,269,615			10,269,615	10,269,615			10,269,615	4,050,000			4,050,000	1,490,000			1,490,000
2	Nâng cấp BTNN đường ĐT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trừ Văn Thố	LH	Nhóm C	2022-2023	Số 1595 ngày 01/6/2022	4,488,999			4,488,999	4,488,999			4,488,999	4,072,000			4,072,000	200,000			200,000
3	Nâng cấp BTNN đường ông Nghiêm - Gara Tường Vy - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	CT	Nhóm C	2022-2023	Số 1588 ngày 01/6/2022	2,523,175			2,523,175	2,523,175			2,523,175	1,650,000			1,650,000	250,000			250,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	750,000	0	0	750,000	750,000	0	0	750,000	37,300,000	0	0	37,300,000
1	Nâng cấp BTNN đường nhà Anh Tiến - Ông Hai Quán xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
2	Nâng cấp BTNN đường từ Đất ông Phô - Giáp ngã 3 ông Út Lý xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
3	Nâng cấp BTXM đường tổ 1,4,5 ấp Bà Phái, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,800,000			3,800,000
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 1,2 ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên (gồm 02 nhánh)	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,000,000			3,000,000
5	Nâng cấp BTXM đường ấp 3 xã Hưng Hòa các tuyến số 18, 24, 30, 36, 46, 48)	HH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến Cao su Bà Thanh đến Cao su Becamex và tuyến Ông Nghiệp - Ông Quân ấp Bà Từ Cây Trường	CT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	4,000,000			4,000,000
7	Nâng cấp BTNN đường ông 5 Sừ (TT Lai Uyên 73)	LU	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
8	Nâng cấp BTNN đường Ông Tú Trang-ông 4 Tấn (TT Lai Uyên - 60)	LU	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
9	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Mạo đến nhà ông Phước, tổ 8 ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
10	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT 750 đến nhà ông Duyên ấp 1 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
11	Nâng cấp BTXM đường HCM đến giáp ranh xã Cây Trường II	TVT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	1,500,000			1,500,000
12	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên 16, 22, 66, 86, 90 và đường tổ 01 Khu phố Đồng Sở, Thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2022-2023						100,000			100,000	100,000			100,000	2,500,000			2,500,000
13	Nâng cấp Lắp đặt HTCS tuyến đường Lai Hưng-09; Lai Hưng-10; Lai Hưng-20; Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30; Lai Hưng-32; Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
14	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,000,000			2,000,000
15	Gia cố chống sạt lở suối Đồn Cảnh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						0			0	0			0	4,000,000			4,000,000
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện																	3,000,000			3,000,000
I	Khởi công mới																	3,000,000			3,000,000
1	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lô nông trường cao su do công ty cao su giao lại cho địa phương và các văn phòng ấp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C	2022-2023														3,000,000			3,000,000
A.2	Quản lý nhà nước									47,721,200	0	0	47,721,200	33,119,000	0	0	33,119,000	50,000,000	0	0	50,000,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
	Ban Quản lý dự án					47,721,200	0	0	47,721,200	33,119,000	0	0	33,119,000	33,119,000	0	0	33,119,000	48,500,000	0	0	48,500,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250,000	0	0	250,000
1	Xây dựng mới văn phòng ấp Suối tre xã Long Nguyên	HH	Nhóm C															50,000			50,000
2	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	CT	Nhóm C															50,000			50,000
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	TH	Nhóm C															50,000			50,000
4	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LH	Nhóm C															50,000			50,000
5	Xây dựng mới hội trường xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C															50,000			50,000
II	Thực hiện dự án					47,721,200	0	0	47,721,200	33,119,000	0	0	33,119,000	33,119,000	0	0	33,119,000	48,250,000	0	0	48,250,000
	Dự án chuyển tiếp					47,721,200	0	0	47,721,200	32,719,000	0	0	32,719,000	32,719,000	0	0	32,719,000	12,750,000	0	0	12,750,000
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 2561 ngày 24/6/2021	10,550,000			10,550,000	9,550,000			9,550,000	9,550,000			9,550,000	500,000			500,000
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021-2023	Số 3081 ngày 02/8/2021	5,090,000			5,090,000	4,000,000			4,000,000	4,000,000			4,000,000	1,000,000			1,000,000
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021-2023	Số 2783 ngày 07/7/2021	4,908,000			4,908,000	3,500,000			3,500,000	3,500,000			3,500,000	1,300,000			1,300,000
4	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3080 ngày 02/8/2021	5,069,000			5,069,000	2,360,000			2,360,000	2,360,000			2,360,000	2,400,000			2,400,000
5	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021-2023	Số 3079 ngày 02/8/2021	5,085,000			5,085,000	3,381,000			3,381,000	3,381,000			3,381,000	1,600,000			1,600,000
6	Xây dựng công viên Bàng Lăng thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2,581,674			2,581,674	1,550,000			1,550,000	1,550,000			1,550,000	500,000			500,000
7	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Đới xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2021-2023	Số 585 ngày 17/3/2022	4,991,260			4,991,260	2,550,000			2,550,000	2,550,000			2,550,000	2,050,000			2,050,000
8	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021-2023	Số 4851 ngày 30/12/2021	4,471,502			4,471,502	3,478,000			3,478,000	3,478,000			3,478,000	900,000			900,000
9	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	Nhóm C	2021-2023	Số 2540 ngày 03/8/2022	4,974,764			4,974,764	2,350,000			2,350,000	2,350,000			2,350,000	2,500,000			2,500,000
	Khởi công mới					0	0	0	0	400,000	0	0	400,000	400,000	0	0	400,000	35,500,000	0	0	35,500,000
1	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
2	Xây dựng mới văn phòng ấp Ông Chài xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
3	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Từ xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
4	Xây mới văn phòng ấp 2 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
5	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Sắt xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	3,500,000			3,500,000
7	Xây dựng mới văn phòng ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
8	Xây dựng mới văn phòng ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	2,500,000			2,500,000
9	Xây dựng mới Trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023						50,000			50,000	50,000			50,000	10,000,000			10,000,000
10	Cải tạo, sửa chữa Hội trường huyện	LU	Nhóm C	2022-2023						0			0	0			0	3,000,000			3,000,000
	Phòng Quản lý đô thị																	1,500,000			1,500,000
I	Khởi công mới																	1,500,000			1,500,000

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				31/12/2022											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện		Ngoài nước	NS trung ương	Ngân sách huyện
1	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C	2022-2023						0				0				1,500,000			1,500,000
A.3	An ninh, Quốc phòng					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,780,000	0	0	6,780,000
	Ban Quản lý dự án					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
	Dự án chuyển tiếp					22,553,718	0	0	22,553,718	22,553,718	0	0	22,553,718	0	0	0	0	6,280,000	0	0	6,280,000
1	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quân sự	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9,756,795			9,756,795	9,756,795			9,756,795					3,000,000			3,000,000
2	Nhà ở tập thể đối cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12,796,923			12,796,923	12,796,923			12,796,923	0				3,280,000			3,280,000
	Công an huyện																	500,000			500,000
I	Chuẩn bị đầu tư																	500,000			500,000
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	Nhóm C															500,000			500,000
A.4	Hạ tầng văn hóa, xã hội					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100,000	0	0	100,000
	Ban Quản lý dự án					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000
I	Chuẩn bị đầu tư																				
II	Thực hiện dự án																	50,000			50,000
	Khởi công mới																	50,000			50,000
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa	LU	Nhóm C	2022-2023						0			0	0			0	50,000			50,000
	Phòng Quản lý đô thị					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000
I	Chuẩn bị đầu tư					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	0	0	50,000
1	Cải tạo Khu di tích Ấp chiến lược Kiểu mẫu Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	Nhóm C															50,000			50,000
B	VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	10,000,000	0	0	10,000,000
B.1	Hạ tầng giao thông, công nghiệp																				
B.2	Quản lý nhà nước					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	6,800,000	0	0	6,800,000
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					14,503,502	0	0	14,503,502	1,150,000	0	0	1,150,000	1,200,000	0	0	1,200,000	6,800,000	0	0	6,800,000
1	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023		0				0				50,000			50,000	3,800,000			3,800,000
2	Gói thiết bị nhà Công vụ huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C	2022-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14,503,502			14,503,502	1,150,000			1,150,000	1,150,000			1,150,000	3,000,000			3,000,000
B.3	Hạ tầng văn hóa, xã hội					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
	Ban Quản lý dự án					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
I	Thực hiện dự án (Công trình chuyển tiếp)					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1	Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	LH	Nhóm C															3,000,000			3,000,000
2	Tượng Đài huyện Bàu Bàng	LU	Nhóm C															200,000			200,000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi khác	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông, quy hoạch	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1=(2+..11)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	131,816,000	0	0	3,000,000	3,780,000	0	100,000	0	0	0	0	64,936,000	0	0	56,800,000	0	3,200,000
I	Vốn phân cấp theo tiêu chí	121,816,000	0	0	3,000,000	3,780,000	0	100,000	0	0	0	0	64,936,000	0	0	50,000,000	0	0
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	73,226,000			3,000,000	3,280,000		50,000					18,396,000			48,500,000		0
2	Phòng Quản lý đô thị huyện	45,090,000						50,000					43,540,000			1,500,000		
3	Công an huyện	500,000				500,000												
4	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	3,000,000											3,000,000					
II	Nguồn kết dư ngân sách huyện	10,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,800,000	0	3,200,000
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	10,000,000														6,800,000		3,200,000